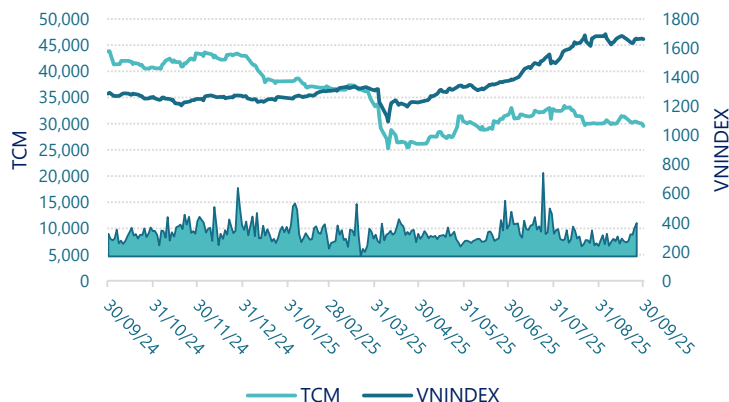




CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (HSX: TCM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	29,550
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	43,870
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,273
SL cổ phiếu LH	112,038,755
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,696,100
% sở hữu nước ngoài	48.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,311
P/E	11.7
EPS	2,535

DT thuần

Q3/25

902

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 29.0 | 3.4%

YoY: ▼203 | -18.3%

LN sau thuế

Q3/25

64.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.0 | -21.9%

YoY: ▼17.5 | -21.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

10.0%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

9T 2025

2,786

tỷ VNĐ

YoY: ▼99.0 | -3.4%

LN sau thuế

9T 2025

225

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.00 | 3.8%

ROE

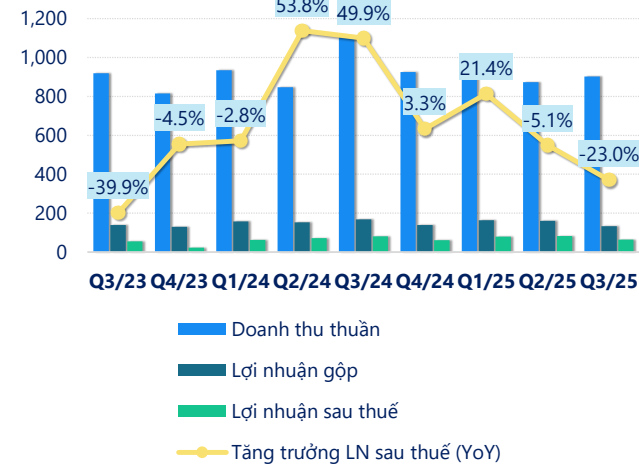
Q3/25

12.3%

+/- YoY: ▲ 1.0%

tỷ VNĐ

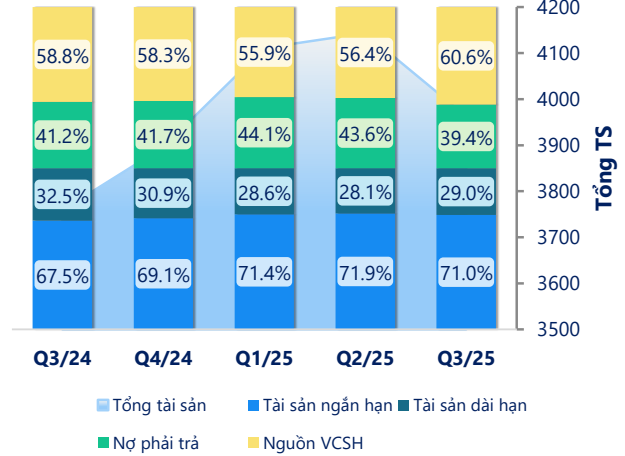
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

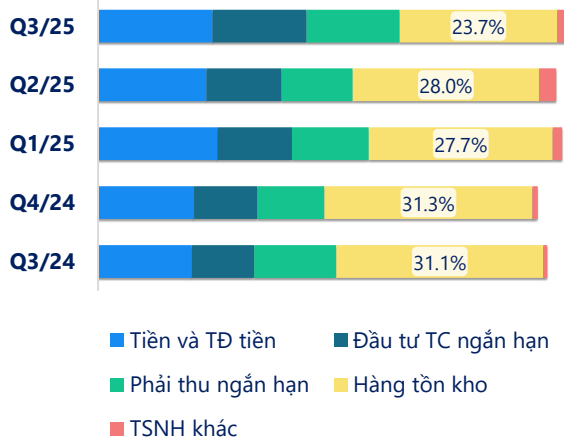
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



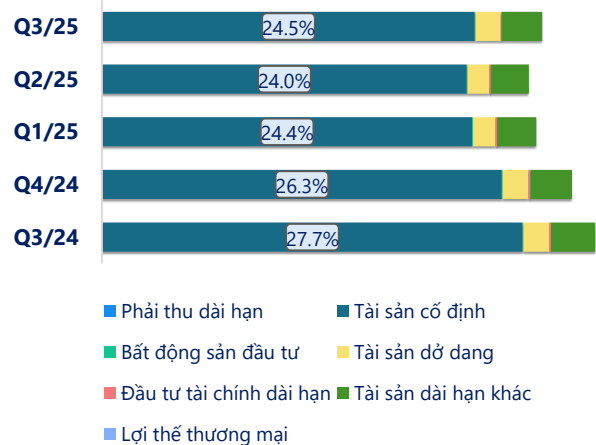
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

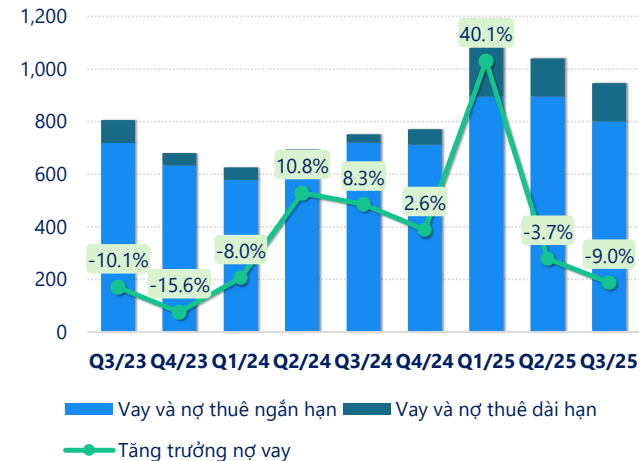
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

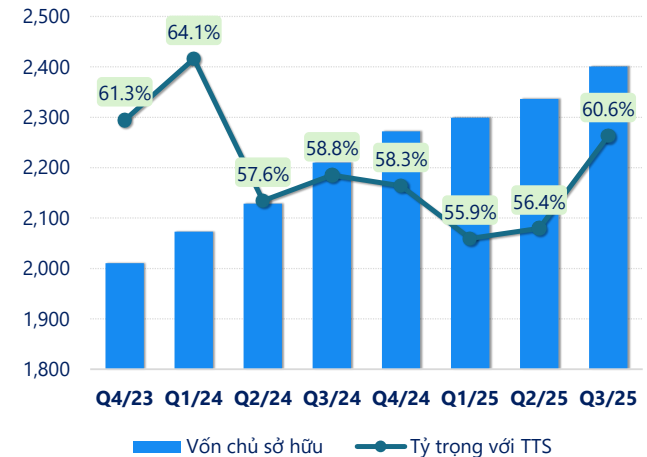
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

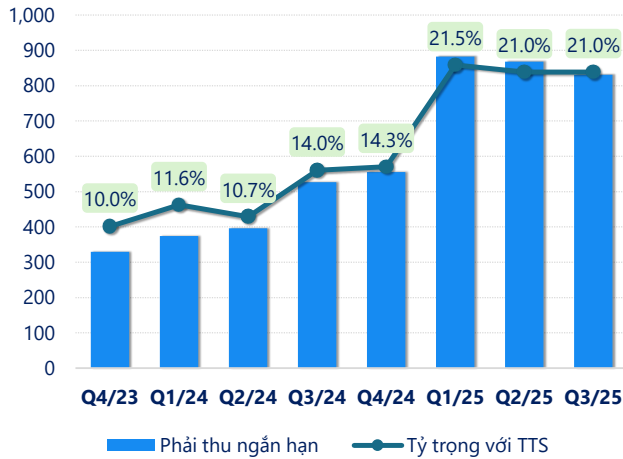
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



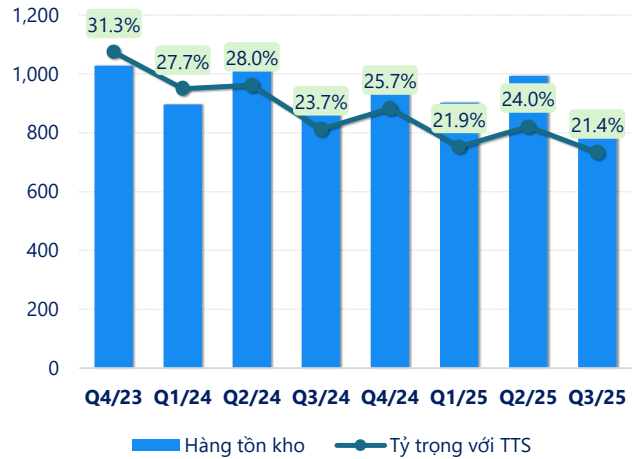
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


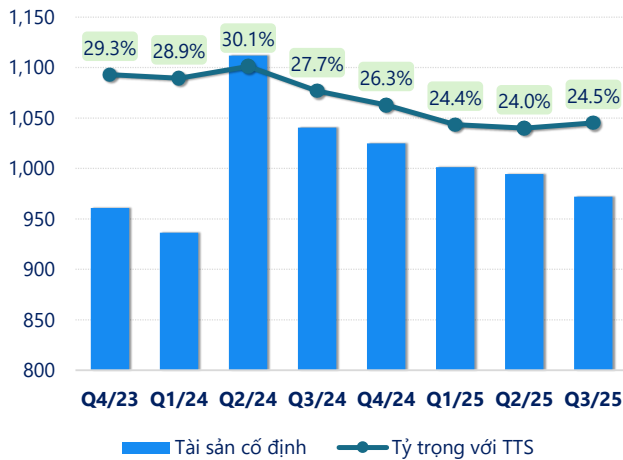
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


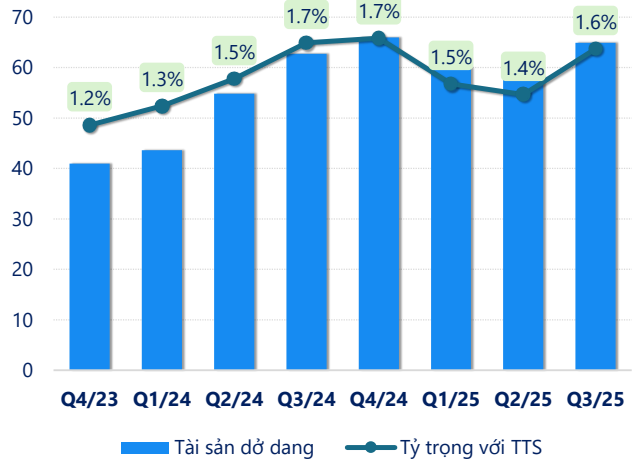
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

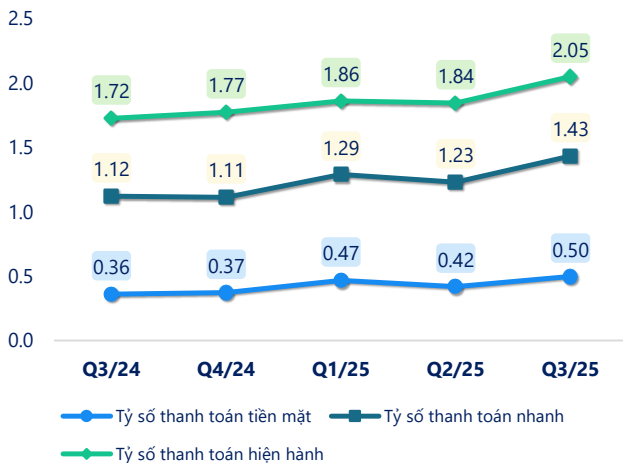
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

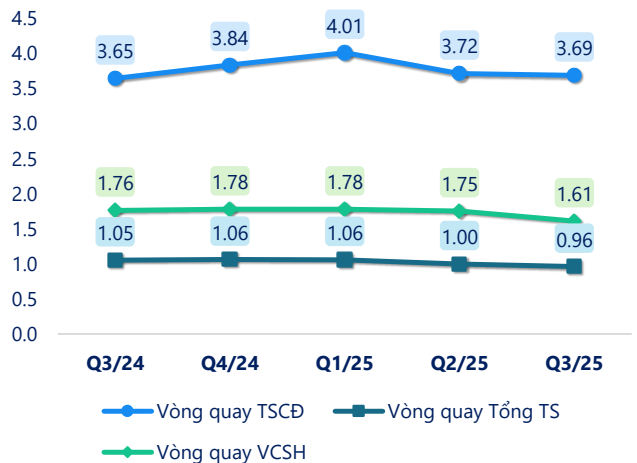
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	3,759	3,896	4,111	4,144	3,962
Tài sản ngắn hạn	2,539	2,690	2,936	2,979	2,814
Tiền và tương đương tiền	530	563	737	677	683
Đầu tư tài chính ngắn hạn	532	533	373	375	375
Phải thu ngắn hạn	526	556	882	868	831
Hàng tồn kho	890	1,003	902	993	847
Tài sản ngắn hạn khác	61.0	35.2	41.8	65.7	77.2
Tài sản dài hạn	1,220	1,205	1,175	1,164	1,149
Phải thu dài hạn	0.54	0.36	0.38	0.48	0.49
Tài sản cố định	1,040	1,025	1,001	994	972
Bất động sản đầu tư	2.33	2.31	2.30	2.28	2.26
Tài sản dở dang	62.8	65.9	60.0	58.2	64.9
Đầu tư tài chính dài hạn	4.80	4.81	4.81	4.81	2.36
Tài sản dài hạn khác	109	107	106	104	107
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,549	1,624	1,812	1,807	1,562
Nợ ngắn hạn	1,472	1,518	1,578	1,617	1,373
Vay và nợ thuê ngắn hạn	719	712	896	895	801
Phải trả người bán ngắn hạn	451	479	371	406	255
Nợ dài hạn	76.8	106	233	190	189
Vay và nợ thuê dài hạn	32.0	59.6	185	145	145
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,210	2,272	2,299	2,336	2,400
Vốn chủ sở hữu	2,210	2,272	2,299	2,336	2,400
Vốn điều lệ	1,020	1,020	1,020	1,121	1,121
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)